

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DSPT

Ngày: 20/02/2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Trường.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLPT- DS ngày 05/01/2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2022/QĐ-PT ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958 (có mặt).

Bà Trần Thị L, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

**- Bị đơn:** Ông Trần Danh Bờ, sinh năm 1949 ( có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Danh T, sinh năm 1974 (có mặt).

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T và chị H: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1952 (có mặt).

3. UBND huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn T- chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Do có kháng cáo của nguyên đơn là Ông Phạm Văn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn là Ông Phạm Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Bà L trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và Bà L do bố mẹ ông cho ông từ năm 1982 và một phần đất vợ chồng ông mua thêm của địa phương với diện tích mua thêm là 130m<sup>2</sup> vào năm 1993.

Thửa đất của vợ chồng ông có tứ cận như sau: Phía Đông giáp phần đất nhà ông Trần Danh Ảnh và phần đất nhà ông Trần Danh Bờ; phía Bắc giáp nhà ông Mỡ; phía Nam giáp đường bê tông của xã; phía Tây giáp nhà ông Phạm Văn Vun.

Khi bố mẹ ông cho đất, phần đất giáp nhà ông Bờ đã được ông Bờ xây tường ngăn cách. Năm 2002, địa phương thực hiện đo đất để lập bản đồ địa chính thì đã đo theo hiện trạng sử dụng đất. Thời điểm đó, ông xác định ranh giới đất giữa nhà ông với nhà ông Bờ được thể hiện ở bức tường mà ông Bờ xây trước đó. Hai bên gia đình sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp. Năm 2013, sau khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Năm 2019, vợ chồng ông xây nhà trên một phần đất. Quá trình xây dựng, gia đình ông không phát sinh tranh chấp đối với các hộ liền kề. Ngày 04 tháng giêng năm 2020, ông Bờ đã phá bức tường cũ và xây lại bức tường mới. Khi làm móng, ông Bờ đã múc sang phần đất của gia đình ông. Gia đình ông đã có ý kiến nhưng ông Bờ không nhất trí. Sự việc này ông đã báo chính quyền địa phương đề nghị giải quyết. Đồng thời, ông cũng đã nhờ đo đạc để xác định mốc giới. Sau khi đo đạc, xác định ông Bờ xây dựng chồng lấn sang đất của gia đình ông là 3,98m<sup>2</sup>. Do vậy,

ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Bờ phải trả lại gia đình ông diện tích đã lấn chiếm nằm ở phía Đông của thửa đất với diện tích 3,98m<sup>2</sup>.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định và đo đạc lại diện tích xác định mốc giới theo sơ đồ địa chính đã xác định phần đuôi nhà ông có diện tích 4m<sup>2</sup> vẫn thuộc đất tập thể. Do đó, vợ chồng ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất ở vị trí này. Khi nào ông làm thủ tục xong ông sẽ tiến hành giải quyết sau.

Đối với vị trí đất mà gia đình ông Bờ xây dựng tường chông lấn sang đất của gia đình ông nằm ở vị trí phía Đông của thửa đất được xác định như hồ sơ đo vẽ với diện tích xây dựng chông lấn là 1,16m<sup>2</sup>.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông với bà My: Tại thời điểm ông khởi kiện bà My còn sống nay bà My đã chết nên ông rút yêu cầu khởi kiện đối với bà My. Những người đang sinh sống và sử dụng phần diện tích lấn chiếm là ông Bờ, anh T và chị H. Do đó, ông đề nghị ông Bờ, anh T và chị H phải trả lại cho ông phần diện tích đã xây dựng chông lấn lên đất của gia đình ông với diện tích 1,16m<sup>2</sup> và tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích đất này.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn là ông Trần Danh Bờ trình bày:* Năm 1976, Hợp tác xã đổi diện tích đất của gia đình ông ở dưới làng để cho gia đình lên đất núi (phần đất ông đang sử dụng). Thời điểm đó, cả xóm được đổi nên diện tích đất giao đổi như nhau. Cụ thể, diện tích đất bao nhiêu ông không nắm được. Tuy nhiên, sau khi được giao đất thì năm 1980 ông và gia đình đã xây tường bao để chỉ ranh giới giữa đất gia đình ông với các hộ liền kề. Quá trình xây và sử dụng đất hai bên không phát sinh tranh chấp. Năm 1982, anh trai Ông T giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông T. Gia đình Ông T sử dụng được khoảng 10 năm thì chuyển lên Thái Nguyên sinh sống. Năm 1993, Ông T có mua thêm của hợp tác xã phần đất ngoài mặt đường nối với đất cũ của Ông T. Năm 2019, vợ chồng Ông T xây nhà trên phần đất này. Đầu năm 2020, con trai ông là anh T có phá bức tường cũ để xây tường mới phần tường giáp ranh nhà Ông T. Khi phá và xây dựng lại thì gia đình ông vẫn xây dựng theo móng cũ và xây thẳng lên không hề lấn chiếm đất của gia đình Ông T. Nhà ông cũng không thuê người mức đất ở phần đất này. Bây giờ vợ chồng Ông T khởi kiện yêu cầu ông trả lại phần diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ các công trình trên đất, ông xác nhận gia đình ông sử dụng phần đất đúng với hiện trạng từ năm 1976 đến nay không lấn chiếm đất nhà Ông T nên ông không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng

Ông T. Trường hợp Tòa án xác minh phần móng nếu gia đình ông không xây trên móng cũ và lấn sang đất nhà Ông T thì ông nhận sai và trả lại đúng phần diện tích đất lấn chiếm cho Ông T.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Trần Danh T và Chị Trần Thị H trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 30, diện tích 640m<sup>2</sup> tại Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh là của bố mẹ anh T, chị H được địa phương đổi từ đất khu công Nam theo quy hoạch chung của địa phương. Gia đình anh chị đã sinh sống ổn định và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Phía Tây thửa đất của gia đình anh giáp với đất của gia đình Ông T. Thửa đất Ông T, Bà L đang sử dụng được ông Vun là anh trai Ông T giao cho từ năm 1982. Mốc giới giữa hai nhà là bức tường được bố anh xây dựng khoảng năm 1980. Hai bên sinh sống ổn định và không hề có tranh chấp về mốc giới.

Hiện nay, toàn bộ thửa đất có diện tích 640m<sup>2</sup> được bố mẹ anh chia làm hai phần, anh sử dụng một phần và em trai anh là Trần Danh Tuyên sử dụng một phần. Thửa đất hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã có hồ sơ kỹ thuật thửa đất mang tên Trần Danh Bờ.

Đầu năm 2020, gia đình anh xây dựng lại tường nhưng vẫn giữ móng cũ và xây từ móng cũ xây lên. Trước khi xây dựng tường, Bà L với gia đình anh đã cắm mốc và căng dây. Thời điểm đó không hề phát sinh tranh chấp. Anh xác định việc xây dựng lại bức tường của gia đình anh là xây từ móng cũ lên nên không có việc lấn chiếm sang đất nhà Ông T.

Phần đất Ông T yêu cầu được bố anh và vợ chồng anh sử dụng. Các con anh còn nhỏ nên không có công lao, công sức gì.

Việc Ông T, Bà L cho rằng vợ chồng anh lấn chiếm đất và khởi kiện buộc bố anh và vợ chồng anh phải trả 1,6m<sup>2</sup> và tháo dỡ công trình trên đất thì vợ chồng anh không đồng ý.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Danh Tuyên trình bày:* Hiện tại anh được bố đẻ là ông Trần Danh Bờ cho thửa đất nằm ở phía Bắc của thửa đất giáp với nhà ông Trần Danh Huyện nên không liên quan gì đến phần đất mà Ông T khởi kiện.

Anh cũng chứng kiến thời điểm bố anh xây tường đã báo gọi cho Bà L và Ông T ra chứng kiến. Bà L là người cắm chống sét vào vị trí mốc giới và cắm cọc tre

xác định mốc giới. Sau đó, anh T mới đào móng và xây dựng tường. Thời điểm xây móng cả Bà L và Ông T ở nhà chứng kiến việc bố anh và anh chị anh xây dựng tường nhưng không có ý kiến gì. Cho đến khi bố anh và anh T, chị H xây tường cao thì Ông T mới thuê đo đạc về đo vẽ. Anh xác định bức tường đó vẫn xây từ móng cũ lên.

Anh cho rằng đây là vụ tranh chấp trên phần diện tích đất bố anh và anh chị anh đang ở và sử dụng. Anh không có công lao cũng như công sức đóng góp nên không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trên phần diện tích đất và tài sản trên phần đất này nên anh từ chối tham gia tố tụng và đề nghị không báo gọi anh lên làm việc tại Tòa án.

*Chị Trần Thị Luyến, chị Trần Thị Thoa trình bày:* Từ khi mẹ các chị còn sống gia đình đã thống nhất toàn bộ thửa đất này sẽ giao cho hai người con trai là Trần Danh T và Trần Danh Tuyên. Tuy nhiên, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất vẫn đứng tên ông Trần Danh Bờ. Hiện nay, anh T và anh Tuyên đã xây dựng nhà trên đất và sinh sống ổn định. Phần vị trí Ông T đang có đơn tranh chấp là phần đất mà hiện bố các chị và vợ chồng anh T đang quản lý và sử dụng. Các chị không đòi hỏi bất cứ quyền lợi gì đối với phần đất này. Các chị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Mọi quyền lợi hay nghĩa vụ đối với phần đất này thì bố các chị và vợ chồng anh T, chị H chịu trách nhiệm nên đề nghị Tòa án không báo các chị lên làm việc.

*Ủy ban nhân dân huyện Q trình bày:* Ngày 09/8/2013, Ông Phạm Văn T có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> tại Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N ngày 15/8/2012 thể hiện nguồn gốc đất do cha ông để lại năm 1980. Ngày 24/9/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã có ý kiến như sau:

- Hồ sơ lập đầy đủ, đúng quy định.
- Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Căn cứ vào hồ sơ đã được thẩm tra theo quy định ngày 30/9/2013, Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958 và Bà Trần Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ thường trú: Phường Hương Sơn, thành phố Thái

Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> tại Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, vợ chồng Ông T có tranh chấp mốc giới với ông Trần Danh Bờ là hộ liền kề. Ủy ban nhân dân huyện Q đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ khác để giải quyết vụ án được khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163; 164; 175; 176; 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166; 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị L về việc “Buộc ông Trần Danh Bờ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T, chị H phải trả lại 1,16m<sup>2</sup> đất thổ cư nằm tại vị trí phía Đông thửa đất 186, tờ bản đồ số 30 ở Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị L và yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm”.

Kiến nghị UBND huyện Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 231406, số vào sổ cấp GCN: CH 00434 mà UBND huyện Q cấp cho Ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> và thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và làm thủ tục cấp mới theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm xử ngày 05/9/2022, nguyên đơn là Ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác định tọa độ vị trí giáp ranh của hai thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đo tổng thể toàn bộ diện tích hiện hữu của hai thửa đất để đánh giá hiện trạng; thuê đơn vị có chuyên môn, chức năng nhiệm vụ trong lĩnh vực thẩm định công trình xây dựng để đánh giá xác định mốc giới bị đơn để lại phần tường cũ và khu vực lấn chiếm cũng như kết cấu công trình.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Phạm Văn T nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị L. Theo Ông T trình bày thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông để lại cho vợ chồng ông và một phần do ông và Bà L mua của địa phương thêm diện tích đất là 130m<sup>2</sup> với phần đất phía Nam giáp đường bê tông của xã. Phần đất này nối liền phần đất mà ông được bố mẹ ông cho. Thửa đất của ông có tứ cận: Phía Nam giáp đường bê tông của xã; phía Tây giáp nhà ông Vun; phía Bắc giáp rãnh nước; phía Đông một phần giáp nhà ông Ảnh và một phần giáp nhà ông Bờ. Từ khi vợ chồng Ông T sử dụng phần đất này thì phần đất của nhà ông giáp nhà ông Bờ đã được ngăn cách với nhau bằng bức tường do ông Bờ xây dựng từ năm 1976 hoặc 1980. Từ đó đến năm 2020, khi ông Bờ phá tường cũ xây tường mới thì giữa hai nhà mới xảy ra tranh chấp vì ông Bờ xây lấn sang đất nhà ông nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Bờ trả lại gia đình ông 1,16m<sup>2</sup> đất. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T, Bà L.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, Ông T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác định tọa độ vị trí giáp ranh của hai thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đo tổng thể toàn bộ diện tích hiện hữu của hai thửa đất để đánh giá hiện trạng; thuê đơn vị có chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực thẩm định công trình xây dựng để đánh giá xác định mốc giới bị đơn để lại phần tường cũ và khu vực lấn chiếm cũng như kết cấu công trình.

Xét kháng cáo của Ông T Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm gia đình Ông T sinh sống trên thửa đất thì giữa gia đình Ông T và gia đình ông Bờ đã được phân định bởi một bức tường của gia đình ông Bờ và giữa hai gia đình cũng không xảy ra tranh chấp gì. Chỉ đến năm 2020, khi gia đình ông Bờ phá tường cũ để xây dựng tường mới thì mới xảy ra tranh chấp. Bởi theo Ông T thì khi gia đình ông Bờ phá tường cũ đi để xây tường mới thì ông Bờ đã không xây theo mốc giới cũ mà xây lấn sang nhà ông. Tuy nhiên, qua xác minh thì thấy tại thời điểm ông Bờ đào móng để xây tường bao mới thì Ông T có nhà và được anh T, chị H là con ông Bờ báo sang để căng dây cắm mốc. Bà L vợ Ông T đã cùng vợ chồng anh T cắm mốc giới. Theo Ông T thì mốc giới để xác định ranh giới giữa hai nhà là bức tường cũ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định và đào móng tại vị trí tranh chấp và lấy mẫu đá, mẫu vữa vừa xây để thẩm định. Kết quả xác định móng tường tại hai địa điểm lấy mẫu đều được xây bằng đá vôi cát và chân móng tường là chân móng cũ. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Bờ về việc gia đình ông xây dựng trên móng của tường cũ và cũng phù hợp với lời khai của những người thợ được gia đình ông Bờ thuê xây tường. Không những thế, năm 2003 khi đo vẽ bản đồ địa chính thì tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới của gia đình Ông T chỉ có chữ ký của ông Ảnh và biên bản xác định ranh giới, mốc giới của gia đình ông Bờ chỉ có chữ ký của Bà L và ông Ảnh. Ông T đồng ý với hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003. Hơn nữa mốc giới trên bản đồ địa chính và mốc giới theo hiện trạng sử dụng hiện nay có sự khác nhau, bản thân ông Bờ xác định diện tích nhà ông từ trước đến nay đến đâu thì ông sử dụng đến đó và không có sự dịch chuyển về mốc giới cũng như không lấn chiếm đối với các hộ liền kề. Do đó, Ông T cho rằng ông Bờ xây dựng sai mốc giới dẫn đến lấn chiếm gia đình ông 1,16m<sup>2</sup> là không có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Ông T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm xử.

Do Ông T là người cao tuổi nên Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163; 164; 175; 176; 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166; 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12;



khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị L về việc “Buộc ông Trần Danh Bờ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T, chị H phải trả lại 1,16m<sup>2</sup> đất thổ cư nằm tại vị trí phía Đông thửa đất 186, tờ bản đồ số 30 ở Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị L và yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm”.

Kiến nghị UBND huyện Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 231406, số vào sổ cấp GCN: CH 00434 mà UBND huyện Q cấp cho Ông Phạm Văn T, Bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 30, diện tích 445m<sup>2</sup> và thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và làm thủ tục cấp mới theo quy định.

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị L.

Trả lại Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 774.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001011 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại Ông T 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005270 ngày 05/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị L phải chịu 15.200.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận Ông T đã nộp 10.000.000đ, anh T nộp 5.200.000đ nên buộc Ông T phải hoàn trả cho anh T số tiền anh T đã tạm ứng chi phí tố tụng là 5.200.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu hồ sơ.*

**Nguyễn Trọng Trường**